

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số: 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4274/SNN&PTNT-CNTY ngày 22/9/2021 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành

động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- VPCP, Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện Nông nghiệp Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Lưu: VT, NN. (649.2021)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các cấp, các ngành và đơn vị liên quan triển khai thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đảm bảo phát triển ngành chăn nuôi tỉnh Thanh Hóa phù hợp với quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt nội dung của Chiến lược tới các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp để nắm chắc quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng và các giải pháp thực hiện.

- Xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, từ đó xây dựng các nội dung, tiến độ và trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- *Đến năm 2030*: phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển chăn nuôi toàn diện, theo hướng tập trung, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm; tăng cường liên kết, hợp tác trong chăn nuôi theo chuỗi liên kết giá trị có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh chăn nuôi hữu

cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*: xây dựng ngành chăn nuôi tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hóa ở hầu hết các khâu từ sản xuất, vận chuyển, giết mổ, sơ chế, chế biến, chế biến sâu đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến, không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; bệnh lây nhiễm sang người; sản phẩm chăn nuôi thịt, trứng, sữa được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 5%/năm.

b) Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi đạt khoảng 10.740 tỷ đồng.

c) Tổng đàn chăn nuôi

- Đàn trâu đạt 200 nghìn con, trong đó khoảng 20% tổng đàn được nuôi trong các trang trại, tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 35%.

- Đàn bò đạt 340 nghìn con, trong đó đàn bò thịt đạt 200 nghìn con (có 180 nghìn bò thịt lai, chiếm 90%), 30% tổng đàn được nuôi trong các trang trại. Đàn bò sữa đạt quy mô từ 50 nghìn con, 95% được nuôi trong các trang trại.

- Đàn lợn đạt 2,2 triệu con, trong đó đàn lợn nái 180 nghìn con đến 200 nghìn con (trong đó nái ngoại chiếm 55% tổng đàn), lợn hướng nạc 1,2 triệu con, tỷ trọng lợn nạc đạt 55% tổng đàn; lợn sữa đạt 325 nghìn con; lợn rừng, lợn mán lợn lòi lai đạt 28 nghìn con; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 70%.

- Đàn gia cầm đạt 26 triệu con: tổng đàn gà đạt 18 triệu con, trong đó, đàn gà lông màu 10 triệu con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 1,5 triệu con; vịt cỏ, vịt bầu, vịt cổ lũng đạt 700 nghìn con, 50% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp; tổng đàn thủy cầm đạt 8 triệu con, 30% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Vật nuôi khác:

+ Đàn dê, thỏ: đàn dê đạt 160 nghìn con, 90% được nuôi tại các trang trại theo phương thức bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát; đàn thỏ đạt 100 nghìn con.

+ Ong, tầm: đạt 20 nghìn đàn ong, kén tầm đạt 2.500 tấn và diện tích trồng dâu 130 ha.

+ Con nuôi đặc sản đạt 2,64 triệu con, trong đó: lợn rừng, lợn mán, lợn lòi lai đạt 28 nghìn con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 1,6 triệu con; vịt cỏ, vịt bầu, vịt Cổ

Lũng đạt 700 nghìn con,...

d) Sản phẩm chăn nuôi

- Sản lượng thịt xẻ các loại: đạt từ 294 đến 295 nghìn tấn, trong đó: thịt lợn đạt 78%, thịt gia cầm đạt 15%, thịt gia súc ăn cỏ đạt 7%.

- Sản lượng trứng, sữa: đạt 185 đến 190 triệu quả trứng và khoảng 96 đến 100 nghìn tấn sữa.

- Bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm: đạt từ 78 đến 80 kg thịt xẻ các loại, từ 50 đến 55 quả trứng, từ 25 đến 27 kg sữa tươi.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 60% và 40%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt: từ 25% đến 30%.

đ) Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh: xây dựng được 01 vùng cấp huyện.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi trung bình hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 6% trở lên.

b) Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi đạt khoảng 11.850 tỷ đồng.

c) Tổng đàn chăn nuôi

- Đàn trâu ổn định 200 nghìn con, khoảng 30% tổng đàn được nuôi trong các trang trại, tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 40%.

- Đàn bò đạt 400 nghìn con, trong đó đàn bò thịt 220 nghìn con (có 200 nghìn bò thịt lai, chiếm 95%), khoảng 30% tổng đàn được nuôi trong các trang trại; đàn bò sữa đạt quy mô từ 75 nghìn con, 90% được nuôi trong các trang trại.

- Đàn lợn ổn định 2,2 triệu con, trong đó đàn lợn nái khoảng 180 nghìn con đến 200 nghìn con (trong đó nái ngoại chiếm 70% tổng đàn), lợn hướng nạc 1,2 triệu con, tỷ trọng lợn nạc đạt 55% tổng đàn; lợn sữa 360 nghìn con; lợn rừng, lợn mán lợn lòi lai đạt 28 nghìn con; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 85%.

- Đàn gia cầm đạt 28 triệu con: tổng đàn gà đạt 20 triệu con, trong đó, đàn gà lông màu 12 triệu con; gà ri, gà mía, gà đồi đạt 1,6 triệu con; vịt cỏ, vịt bầu, vịt cỏ lũng đạt 700 nghìn con, khoảng 60% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp; Tổng đàn thủy cầm có mặt thường xuyên khoảng 8 triệu con, khoảng 40% tổng đàn được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Vật nuôi khác: duy trì ổn định tổng đàn và quy mô chăn nuôi.

d) Sản phẩm chăn nuôi

- Sản lượng thịt xẻ các loại: đạt từ 299 đến 300 nghìn tấn, trong đó: thịt lợn đạt 77%, thịt gia cầm đạt 15,8%, thịt gia súc ăn cỏ từ 7,2%; xuất khẩu từ 15% đến 20% sản lượng thịt lợn, từ 20% đến 25% thịt gia cầm.

- Sản lượng trứng, sữa: đạt 200 đến 205 triệu quả trứng và khoảng 120 đến 130 nghìn tấn sữa; trong đó, xuất khẩu từ 15% đến 20% trong tổng sản lượng trứng gia cầm.

- Bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm: đạt 79 đến 80 kg thịt xẻ các loại, 60 quả trứng và từ 31 đến 33 kg sữa tươi.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt khoảng 70% và 50%; tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt: từ 40% và 50%.

đ) Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh: xây dựng thêm 01 vùng cấp huyện trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

- Nâng cao nhận thức và tầm quan trọng định hướng chung của ngành chăn nuôi, mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của Chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; đồng thời, tiếp tục chú trọng nội dung tuyên truyền, tập huấn Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược phát triển chăn nuôi; Chương trình phát triển sản xuất giống vật nuôi; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của tỉnh về chăn nuôi, thú y.

- Thông tin, tuyên truyền phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, của ngành; quán triệt sâu sắc cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người chăn nuôi để tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi hiểu, đồng thuận tổ chức thực hiện, từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

2. Củng cố hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ

năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

3. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Chọn tạo nâng cao năng suất, chất lượng, giống vật nuôi trong sản xuất phù hợp với địa phương, từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học của thế giới. Trong đó, cần chú trọng việc bảo tồn, khai thác đặc điểm sinh học quý của các nguồn gen, giống bản địa.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò trong tỉnh, phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong tỉnh để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao, cung cấp bê đực cho nuôi vỗ béo bò thịt. Nhập bổ sung tinh bò thịt cao sản, bò sữa năng suất cao và một số bò đực cao sản để sản xuất tinh.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các vùng nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm theo mô hình hình tháp gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Hằng năm, tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đàn lợn giống phẩm cấp giống ông bà, cụ kỵ, bố mẹ, đàn gia cầm giống gốc trên địa bàn nhằm loại thải giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng. Kiểm tra đánh giá chất lượng tinh lợn đực giống tham gia thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh.

- Cải tiến, nâng cao chất lượng giống ong, tầm và giống dâu: hoàn thiện hệ thống sản xuất và cung ứng giống ong, tầm. Thực hiện quản lý giống tầm theo quy định.

- Nhân thuần, chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống vật nuôi bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản phù hợp cho từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng trong tỉnh và cả nước.

4. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Khuyến khích đầu tư, xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, chế phẩm sinh học dùng thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, hạn chế nguồn nguyên liệu nhập khẩu và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp trong nước, như: men, bã bia, bã sắn, phụ phẩm lò mổ, vỏ đầu tôm, đầu xương...; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sử dụng thức ăn tự nghiền, phối trộn để giảm chi phí giá thành sản xuất.

- Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng ngô sinh khối,... kết hợp với công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp để phát triển chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò, dê.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi, phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các trường hợp sản xuất, bổ sung chất cấm, chất kích thích sinh trưởng cấm dùng trong thức ăn chăn nuôi.

5. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi

- Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất

- Khuyến khích phát triển tập đoàn, các doanh nghiệp đủ khả năng đầu tư chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường; củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường phù hợp với quy mô, tiến tới lâu dài là giảm bớt hình thức chăn nuôi nông hộ. Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND cấp xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi.

7. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, nhất là cơ sở sản xuất giống và vùng chăn nuôi tập trung; thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi quy mô lớn; tăng cường quản lý nhà nước về cơ sở chăn nuôi quy

mô vừa và nhỏ; quản lý công tác giống vật nuôi theo quy định; triển khai thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu trong chăn nuôi; công tác khai báo ban đầu về chăn nuôi và xử lý vi phạm,...

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) đối với các cơ sở chăn nuôi. Đẩy mạnh tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc và có biện pháp loại trừ các cá thể mang trùng đối với các bệnh nguy hiểm, tạo đàn gia súc, gia cầm sạch bệnh theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 20/5/2020 và các kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật (bệnh Cúm gia cầm, bệnh dịch tả lợn châu Phi, bệnh Lở mồm long móng) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020 - 2025.

- Tăng cường kiểm soát môi trường và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi. Đẩy mạnh ứng dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo và chăn nuôi côn trùng (như giun quế,...) có lợi cho sản xuất.

- Phối hợp với các tỉnh giáp ranh trong công tác kiểm soát nguồn gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến ra, vào tỉnh theo quy định. Thanh tra, kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các huyện, thị xã, thành phố để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh.

8. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

9. Đào tạo, tập huấn

- Đào tạo hệ thống dẫn viên tinh trên địa bàn tỉnh; nghề cho người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác thuận lợi hơn.

- Đào tạo cho người chăn nuôi kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm thông qua các chương trình tập huấn, dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

10. Khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến trong chăn nuôi. Ưu tiên hoạt động nghiên cứu về giống mới, ứng dụng công nghệ sinh học và chuyển giao quy trình, công nghệ sinh học.

- Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất giống, sản xuất thức ăn, chăm sóc vật nuôi; tập trung đẩy mạnh hình thức chăn nuôi với quy mô công nghiệp, trang trại.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác quản lý nhà nước trong chăn nuôi. Tăng cường trao đổi hợp tác về chăn nuôi, thú y với các tổ chức trong nước và quốc tế có tiềm năng khoa học công nghệ và thị trường.

11. Xây dựng, hoàn thiện các nhóm chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; rà soát, xây dựng, ban hành mới các cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi; tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Bộ, ngành, các tổ chức cá nhân trong nước và quốc tế tạo nguồn lực đầu tư chăn nuôi.

- Chính sách hỗ trợ hạ tầng đến chân hàng rào khu trang trại chăn nuôi tập trung; hỗ trợ hạ tầng và các điều kiện chăn nuôi cho cơ sở sản xuất giống, cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; cơ sở, vùng, khu vực chăn nuôi đã được xác định trong các quy hoạch phát triển.

- Chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y; hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình, chuỗi liên kết trong chăn nuôi, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế, tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ lãi suất đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện phát triển chăn nuôi hiện đại, toàn diện, đồng bộ theo chuỗi khép kín.

(Chi tiết có Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát

triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

2. Kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ do thực tế phát sinh, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

2. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, tổng hợp.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các công việc, đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định; định kỳ tổng hợp báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Công tác tuyên truyền			
1	Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình trong tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của Chiến lược chăn nuôi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực chăn nuôi; tập huấn Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm gắn với giết mổ, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Mở các chuyên mục, chuyên đề/đưa tin, bài về nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh và các hoạt động thực hiện Kế hoạch của đơn vị, ngành trong tỉnh	Đài PT và TH Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, TP và các đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Thực hiện công tác tuyên truyền và chỉ đạo phát các bản tin trên hệ thống phát thanh truyền hình cấp huyện, đài phát thanh xã, hệ thống loa truyền thanh khu phố, thôn xóm về văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực chăn nuôi, chiến lược phát triển chăn nuôi	UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
5	Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền đến tận cơ sở về việc thực hiện các biện pháp phòng chống nắng nóng, phòng chống đói rét cho vật nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	trong điều kiện biến đổi khí hậu, nhằm bảo vệ đàn vật nuôi.		đơn vị liên quan	
II	Củng cố, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý			
1	Thực hiện tốt Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
2	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ chăn nuôi, thú y, khuyến nông các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã trong việc thu thập, nhập dữ liệu về chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
3	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực về nghiên cứu, sản xuất chăn nuôi thú y ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
4	Kiện toàn, tăng cường vai trò của tổ công tác chuyên ngành chăn nuôi và thú y trong công tác tham mưu, phối hợp, hướng dẫn tổ chức sản xuất phát triển chăn nuôi; tổng hợp báo cáo theo quy định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
III	Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi			
1	Điều tra đánh giá tình hình chăn nuôi, cơ cấu đàn vật nuôi, mật độ, vùng chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Hằng năm, Xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo các nội dung Kế hoạch hành động.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo cho gia súc, nhằm cải tiến, nâng cao tầm vóc đàn vật nuôi, tránh tình trạng cận huyết, đồng thời phát huy ưu thế lai trong chăn nuôi, tăng năng suất, sản lượng, chất lượng	UBND các huyện, thị xã, TP	Các cơ sở chăn nuôi; đơn vị có liên quan	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	vật nuôi trên địa bàn.			
3	Quản lý trâu, bò, lợn đực giống tham gia khai thác tinh và thụ tinh nhân tạo; kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh trâu, bò, lợn của các cơ sở chăn nuôi trâu, bò, lợn đực giống tham gia thụ tinh nhân tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	Hàng năm
4	Xây dựng kế hoạch cung ứng, phân bổ tinh, vật tư phối giống cải tạo, cải tiến giống vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	Hàng năm
5	Tăng cường quản lý nhà nước về giống vật nuôi của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cung ứng giống vật nuôi, các chương trình, dự án hỗ trợ con giống cho nông dân để đảm bảo sinh kế, phát triển sản xuất.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	Hàng năm
6	Nâng cao năng lực quản lý và sản xuất chăn nuôi theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm
7	Tăng cường công tác cập nhật tình hình dự báo thời tiết khi hậu; kịp thời phổ biến, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng một số biện pháp phòng chống nắng nóng, dới rét cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	Hàng năm
8	Xây dựng, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện chuyển đổi số trong chăn nuôi theo quy định Luật Chăn nuôi; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản và hỗ trợ quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm chăn nuôi, nhất là các sản phẩm chủ lực của tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan	2021-2030
IV	Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi			

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giám sát, đánh giá chất lượng thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, kháng sinh và kháng kháng sinh sử dụng trong chăn nuôi; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y	Hàng năm
2	Rà soát, đánh giá diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng ngô sinh khối,... kết hợp với công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp để phát triển chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò, dê.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2025
3	Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, chế phẩm sinh học dùng thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
V	Đổi mới tổ chức sản xuất			
1	Định hướng phát triển theo chăn nuôi theo vùng phù hợp với điều kiện địa lý, khí hậu, đất đai và trình độ chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2	Xây dựng các vùng/khu trang trại chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường, cung cấp nguyên liệu cho cơ sở, nhà máy giết mổ tập trung.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành đơn vị có liên quan	2021-2025
3	Xây dựng các chuỗi giá trị sản xuất chăn nuôi gắn với giết mổ, chế biến, tiêu thụ và được thông qua các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT; các sở, ngành đơn vị có liên quan	2021-2030
4	Phát triển con nuôi đặc sản theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản xuất gắn với chỉ dẫn địa lý và thương hiệu đặc trưng của từng địa phương	UBND các huyện, thị, thành phố	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND cấp xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi; Kiểm tra, điều kiện chăn nuôi nông hộ đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú;	UBND các xã, phường, thị trấn	Các cơ sở chăn nuôi; đơn vị có liên quan	Hàng năm
6	Xây dựng các mô hình nuôi chăn nuôi áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); phát triển con nuôi đặc sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
VI	Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường			
1	Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh và các Kế hoạch trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật (bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bệnh dịch tả lợn Châu phi, bệnh Lở mồm long móng) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2025 và xây dựng 02 vùng an toàn dịch bệnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan	2021-2030
2	Tăng cường việc kiểm tra, giám sát các tổ chức, nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi việc sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở chăn nuôi	Hàng năm
3	Rà soát, đánh giá phân loại các loại hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh (nông hộ, trang trại: quy mô nhỏ, vừa, lớn). Kiểm tra, đánh giá thẩm định cấp, cấp lại giấy chứng nhận trang trại chăn nuôi quy mô lớn và điều kiện duy trì; tăng cường kiểm tra, điều kiện các cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	quy vừa và nhỏ; cấp, cấp lại giấy chứng nhận các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.			
VII	Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi			
1	Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 25/5/2021 về việc quản lý vận chuyển giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan	2021-2025
2	Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, đầu tàu dẫn dắt, các cơ sở tham gia chuỗi giá trị áp dụng và được chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như GHAP, VietGAHP, HACCP,.. đáp ứng yêu cầu chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Doanh nghiệp, Hợp tác xã	Hàng năm
3	Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại chăn nuôi cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan; tăng cường các biện pháp hỗ trợ sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu.	Sở Công thương	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
4	Tăng cường hội nhập, hợp tác trong nước và quốc tế trong công tác tổ chức quản lý chăn nuôi; kêu gọi đầu tư trực tiếp; đào tạo, chuyển giao, ứng dụng công nghệ khoa học tiên tiến, công nghệ số trong chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chế biến, chế biến sâu.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
VIII	Đào tạo, tập huấn			
1	Đào tạo, tập huấn để nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y, khuyến nông các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	y cấp xã việc thu thập, nhập dữ liệu về chăn nuôi, thú y		vị có liên quan	
2	Đào tạo nghề cho người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di rời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác thuận lợi hơn	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	2021-2024
3	Hướng dẫn chủ các cơ sở chăn nuôi thực hiện khai báo ban đầu, đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo hình thức TOT.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở chăn nuôi	Hàng năm
IX	Khoa học và Công nghệ			
1	Chuyển giao, ứng dụng công nghệ lai tạo giống, chuồng trại, thức ăn trong hoạt động sản xuất chăn nuôi để cho có năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2021-2025
2	Hiện đại hóa công tác quản lý chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác, dữ liệu quốc gia về chăn nuôi theo Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2021-2025
3	Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất giống một số loài bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học phục vụ bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi quý, nguồn gen bản địa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2025

Phụ lục 2:
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
I	Đề án các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030	NSNN	Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021
II	Các chính sách phát triển chăn nuôi					
1	Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2022-2025	NSNN	
1.1.	Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không phép chăn nuôi theo quy định của pháp luật	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2022-2025	NSNN	
1.2.	Hỗ trợ hạ tầng đến chân hàng rào khu trang trại chăn nuôi tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2022-2025	NSNN	
2	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định của Chính phủ và các chính sách lồng ghép thuộc các đề án, chương trình, kế hoạch, dự án khác; chính sách về ưu đãi về đất đai, tín dụng, công nghệ đối với các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành theo lĩnh vực	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2022-2030	NSNN	
3	Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030	NSNN	Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
III	Các dự án ưu tiên					
1	Thực phẩm nông nghiệp an toàn Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2022-2027	ODA	Công văn số 14513/UBND-NN ngày 15/10/2020
2	Dự án khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi, chế biến thực phẩm công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hoá tại huyện Ngọc Lặc, Lang Chánh và huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện: Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Lang Chánh	2021- 2030	Doanh nghiệp	Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021
3	Các dự án đầu tư chăn nuôi gà thịt công nghệ cao, để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giết mổ, chế biến xuất khẩu thịt gà VietAvis.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện trung du, miền núi thấp, đồng bằng	2021- 2030	Doanh nghiệp	Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021
4	Nhà máy giết mổ, chế biến, bảo quản, tiêu thụ thịt gia súc gắn với chuỗi cửa hàng cung cấp thực phẩm an toàn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện: Yên Định, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Như Xuân, thị xã Nghi Sơn	2021- 2030	Doanh nghiệp	Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021